

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2025.

V/v: “*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khoát và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Chính - Thẩm tra viên.

Ngày 10/9/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2025 về việc: “*Kiện xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Phòng 22XX, nhà ở xã hội K.Building, phường Đ, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1983; địa chỉ: Số M, đường Trần Hưng Đạo, tổ dân phố M, phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình.

Phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Trường G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Thanh H đều khai, trình bày: Chị và anh Nguyễn Trường G kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn ngày 27/05/2011 tại UBND xã Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hoàn cảnh công việc, chị công tác tại Hà Nội còn anh G lại sống tại Phủ Lý, Hà Nam, thỉnh thoảng anh G mới lên thăm vợ con, sau khi nghỉ việc anh G không có thu nhập, không đóng góp được gì về kinh tế cho gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống lại mỗi người một nơi nên dẫn đến các bên sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, hàn gắn để tiếp tục cùng nhau chung sống nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G.

Tại bản khai ngày 20/8/2025, bị đơn anh Nguyễn Trường G trình bày quan điểm: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn của vợ chồng cũng như

thời điểm phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn như chị H đã khai là đúng. Anh cũng xác nhận thực sự vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay, các bên do ít gặp nhau nên tình cảm dành cho nhau tẻ nhạt, ít có sự quan tâm đến nhau. Nay chị H xin ly hôn, nguyện vọng của anh xin được đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục cùng nhau chung sống.

Về con chung: Các đương sự đều thống nhất, xác nhận: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thái B (con trai), sinh ngày 29/01/2012. Từ khi sinh ra cho đến nay, cháu B vẫn luôn ở cùng với chị H. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng xin được nuôi cháu B, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho con. Anh G xác định hiện anh là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không thể đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị H được nên đồng ý giao cháu B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng cho con.

Về con riêng, con nuôi: Các đương sự đều thống nhất, xác nhận: Vợ chồng không có con riêng, con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại chị H không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các nghĩa vụ chung khác của vợ chồng: Các đương sự đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng, không có công nợ gì với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 27/7/2025, cháu Nguyễn Thái B là con chung của vợ chồng trình bày: Hiện tại cháu đang sống cùng với mẹ tại phường Đ, thành phố Hà Nội và đang đi học. Trường hợp Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ.

* Tại Báo cáo số 05/BC-UBND ngày 24/7/2025, UBND phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình xác nhận: UBND phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình đã tổ chức hòa giải theo quy định khi giải quyết đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H đối với anh Nguyễn Trường G tại địa phương. Kết quả, các bên đều trình bày nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn là do cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc, các bên đều xác định mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục cùng nhau chung sống và đều có mong muốn được ly hôn. Do đó, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và giải quyết vấn đề con chung của vợ chồng theo nguyện vọng của các bên và quy định của pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho anh chị.

* *Tại phiên toà:*

Các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, không có sự thỏa thuận nào thêm được ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Trường G có nơi cư trú tại phường L, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án: “*Kiến xin ly hôn và nuôi con chung*” giữa chị

Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Trường G thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Trường G trên cơ sở các bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/05/2011 tại UBND xã Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình) do đó hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật tôn trọng, bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H, các đương sự đều trình bày thống nhất, xác nhận sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng anh chị đều trình bày, xác định là do hoàn cảnh công việc, chị H công tác tại Hà Nội còn anh G lại sống tại Phủ Lý, Hà Nam, anh G là lao động tự do, thu nhập không ổn định, không đóng góp được cho kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống không có tiếng nói chung, không còn hạnh phúc. Trên thực tế các bên đều thừa nhận từ năm 2012 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm tê nhạt, ít còn quan tâm đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên cần xem xét, chấp nhận giải quyết cho chị H được ly hôn với anh G là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 người con chung là cháu Nguyễn Thái B (con trai), sinh ngày 29/01/2012, từ khi sinh ra đến nay cháu B đều do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi xin ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho con, anh G cũng đồng ý giao cháu B cho chị H nuôi dưỡng, còn nguyện vọng của cháu B là muốn được ở với mẹ. Nay giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con trên cơ sở cuộc sống được ổn định, không bị xáo trộn, phù hợp với hoàn cảnh và nguyện vọng của các bên thấy cần công nhận ý kiến, quan điểm của các bên về con chung, giao cháu B cho chị H trực tiếp quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng, anh G không phải cấp dưỡng cho con như các bên đã thỏa thuận là phù hợp điều kiện thực tế của các bên và quy định của pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con nuôi, con riêng: Các đương sự đều xác nhận các bên không có con riêng, con nuôi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Đương sự không ai có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ chung nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật

Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên: Giao cháu Nguyễn Thái B (con trai), sinh ngày 29/01/2012 là con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Trường G không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2.2. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.3. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về con riêng, con nuôi, tài sản chung và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002178 ngày 18/04/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5-Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phú Lý, tỉnh Ninh Bình;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn